TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2023/HC-PT
Ngày 10 tháng 3 năm 2023
V/v *"Khiếu kiện quyết định hành chính về việc giải quyết khiếu nại"*..

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Hoàng Thanh Dũng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 705/2022/TLPT-HC ngày 01 tháng 11 năm 2022 *"Khiếu kiện quyết định hành chính về việc giải quyết khiếu nại"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2022/HC-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 99/2023/QĐPT-HC ngày 24 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà **Phan Kim Q**, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông **Võ Minh T**, sinh năm 1979 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Mỹ Thuận, thị trấn H, huyện M, tỉnh S.

- Người bị kiện:

1/ **Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M**.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Võ Minh L**, Phó Chủ tịch UBND huyện M. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Cầu Đồn, thị trấn H, huyện M, tỉnh S.

2/ **Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S**.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Vương Quốc N**, Phó Chủ tịch UBND tỉnh S. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 01, đường Châu Văn Tiếp, Phường 2, thành phố S, tỉnh S.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông **Nguyễn Hùng A**, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S. Địa chỉ: Số 18 đường H, Phường 6, thành phố S, tỉnh S (có mặt)

Người kháng cáo: người khởi kiện bà Phan Kim Q

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 27/4/2022 của người khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa người khởi kiện trình bày như sau:

Nguyên vào năm 1975, ông Trần Trường M (ông ngoại của bà Phan Kim Q, đã chết) có mua lô đất của bà Huỳnh Thị K là 8.000m^2. Năm 1990, Ủy ban nhân dân huyện M có lấy làm kênh dẫn nước ngọt tưới tiêu và làm đê ngăn mặn lô đất của ông M, vì thế phần đất trên bị cắt làm đôi. Việc Nhà nước lấy đất làm kênh không có bồi thường cho ông M với diện tích bị mất là 6.800m^2. Năm 2000, ông M có làm giấy cho tặng phần đất trên cho ông Phan Thanh X (cha bà Q, đã chết) và ông X đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 400, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.167m^2.

Năm 2002, Ủy ban nhân dân huyện M lấy đê ngăn mặn làm lộ nhựa 3,5m ngang, nhưng không bồi thường về đất trong khi ông X có quyền sử dụng đất.

Năm 2010, Ủy ban nhân dân tỉnh S có mở đường tỉnh 940 cấm mốc giải phóng mặt bằng và thu hồi đất có bồi thường, ông X có nhận tiền bồi thường đúng theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh S.

Từ năm 2010, chồng bà Q thấy phần đất còn lại trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên có cất quán dưới mé kênh cho bà Q bán cà phê. Năm 2015, Ủy ban nhân dân huyện M có yêu cầu dỡ quán nhưng chồng bà Q không đồng ý. Đến năm 2020, Ủy ban nhân dân huyện M có mời vợ chồng bà Q lên làm việc thì vợ chồng bà đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp lệ nên Ủy ban xin ý kiến cấp trên. Nay Ủy ban nhân dân huyện M có làm bờ kè và vỉa hè, có đưa ra quyết định giải tỏa trắng diện tích ngang khoảng 72m, chiều dài 09m bà Q không chấp nhận vì đất của bà Q có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bà cất quán trên quyền sử dụng đất được cấp, bà không cất lấn chiếm đất hành lang lộ giới. Nay giải tỏa không đền bù cho bà là vô lý, hơn nữa bà chỉ có phần đất này để ở, ngoài ra không còn đất khác, nếu giải tỏa không bồi thường, không hỗ trợ nền tái định cư thì gia đình bà trở thành người vô gia cư. Trong khi việc bồi thường cho gia đình bà là yêu cầu

thỏa đáng và phù hợp quy định. Hiện nay, gia đình bà có 04 nhân khẩu và sinh sống chỉ dựa vào phần đất trên để cất quán, buôn bán sinh sống hàng ngày, nếu như giải tỏa trắng không giải quyết hỗ trợ tái định cư của Nhà nước thì gia đình bà không có thu nhập và mất cơ sở buôn bán làm ăn vì thế cuộc sống có thể rất khó khăn về mọi mặt.

Sự việc trên bà có làm đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thị trấn H để giải quyết thì vào ngày 25/12/2020 Ủy ban nhân dân thị trấn H ban hành công văn trả lời khiếu nại số 155/CV-UBND, cho rằng yêu cầu bồi thường phần đất bờ kênh và hỗ trợ tái định là không có cơ sở. Vì thế bà không đồng ý với công văn số 155/CV-UBND nên bà tiếp tục khiếu nại. Sau đó, Ủy ban nhân dân huyện M tiếp tục ra văn bản số 87/UBND-NC ngày 03/02/2021 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 1678/QĐ-UBND ngày 25/06/2021 trả lời không chấp nhận khiếu nại của bà với lý do vào năm 2010 đã có hỗ trợ cho ông Phan Thanh X tiền tái định cư tại thửa 400, tờ bản đồ số 04.

Việc trả lời này là không phù hợp vì trước khi có lộ 940 đã có lều quán của bà, vào năm 2010 khi thu hồi đất cũng không có ý kiến hay buộc di dời gì cả, vì vậy lều quán của bà xây cất từ trước năm 2010 là phù hợp quy hoạch và đúng quy định. Nay buộc bà di dời mà không có chính sách hỗ trợ và cho rằng đất công là không đúng với quy định. Do Ủy ban nhân dân huyện M bác đơn khiếu nại của bà nên bà khiếu nại Quyết định số 1678/QĐ-UBND đến Ủy ban nhân dân tỉnh S. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân tỉnh S ban hành Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 giữ nguyên Quyết định số 1678/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M.

Mặt khác, hiện nay bà còn 86,7m^2 đất trên vỉa hè và bà đã dựng nhà sử dụng từ năm 2007 cho đến nay thì Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M có kêu bà tháo dỡ nhà cũ và xây cất nhà tiền chế mới để dời lên ở. Khi đang thực hiện nửa chừng thì Ủy ban nhân dân thị trấn không cho bà tiếp tục xây dựng vì không có giấy phép xây dựng. Bà có yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện M xác nhận giấy phép xây dựng nhưng không được giải quyết. Trong khi đó tại biên bản làm việc ngày 09/02/2022 thì ông Nguyễn Hùng Phương – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn H và ông Võ Minh L có ý kiến nếu bà thực hiện theo quyết định số 163 thì sẽ hỗ trợ cho bà 01 căn nhà trị giá 50.000.000đồng, cho xây cất trên phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giới thiệu ngân hàng chính sách cho bà vay, nhưng đến nay vẫn chưa thấy như những gì biên bản thể hiện.

Nay bà Phan Kim Q yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy văn bản số 87/UBND-NC ngày 03/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M.

- Hủy quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban

nhân dân huyện M.

- Hủy Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S.

Tại Bản án số 17/2022/HC-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh S đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 và khoản 1 Điều 348 của Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Phan Kim Q về việc yêu cầu như sau:

- Hủy Văn bản số 87/UBND-NC ngày 03/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M về việc trả lời đơn khiếu nại của bà Phan Kim Q;

- Hủy quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M về việc giải quyết khiếu nại của bà Phan Kim Q (lần đầu);

- Hủy Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S về việc giải quyết khiếu nại của bà Phan Kim Q (lần hai).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 26/9/2022, người khởi kiện bà Phan Kim Q có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án hành chính sơ thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Võ Minh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện bà Phan Kim Q.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Nguyễn Hùng A đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện và bác kháng cáo của người khởi kiện bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Kim Q.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung, qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định các quyết định bị khởi kiện được ban hành đúng quy định pháp luật. Bà Q kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Q, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện được làm đúng thời hạn, hình thức nội dụng đảm bảo theo quy định pháp luật.

Về việc xét xử vắng mặt đối với người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính, Tòa án nhân dân Cấp Cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vắng mặt đối với ông Võ Minh L và ông Vương Quốc N.

[2] Người khởi kiện bà Phan Kim Q yêu cầu như sau: Hủy Văn bản số 87/UBND-NC ngày 03/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M về việc trả lời đơn khiếu nại của bà Phan Kim Q; Hủy quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M về việc giải quyết khiếu nại của bà Phan Kim Q (lần đầu); Hủy Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S về việc giải quyết khiếu nại của bà Phan Kim Q (lần hai). Căn cứ khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính, Quyết định hành chính trên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Căn cứ khoản 3, 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính Tòa án nhân dân tỉnh S thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3] Thời hiệu khởi kiện: Căn cứ khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính thì thời hiệu khởi kiện của bà Phan Kim Q đối với các quyết định hành chính nêu trên vẫn còn.

[4] Xét tính hợp pháp của Quyết định hành chính bị khởi kiện:

[4.1] Về trình tự thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định hành chính :

Ngày 07/01/2021, bà Phan Kim Q có đơn khiếu nại về việc giải quyết yêu cầu bồi thường về đất, chi phí di dời và hỗ trợ nền tái định cư. Ngày 27/01/2021, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M ban hành Báo cáo số 35/BC.PTNMT, về việc báo các kết quả xác minh và kiến nghị UBND huyện M ban hành văn bản

trả lời đơn khiếu nại của bà Q . Ngày 03/02/2021, Chủ tịch UBND huyện M ban hành Văn bản số 87/UBND-NC về việc trả lời khiếu nại của bà Q, có nội dung bác khiếu nại của bà Q.

Ngày 31/5/2021, bà Q có đơn khiếu nại, yêu cầu Chủ tịch UBND huyện M thu hồi Văn bản số 87/UBND-NC nêu trên . Ngày 02/6/2021, Chủ tịch UBND huyện M ban hành Thông báo số 135/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu. Sau khi nhận đơn khiếu nại của bà Q, Chủ tịch UBND huyện M thực hiện xác minh thu thập chứng cứ và tiến hành đối thoại với người đại diện hợp pháp của bà Q. Đến Ngày 25/6/2021, Chủ tịch UBND huyện M ban hành Quyết định số 1678/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Phan Kim Q Q (lần đầu), có nội dung: Giữ nguyên nội dung văn bản số 87/UBND-NC, ngày 03/02/2021 của chủ tịch UBND huyện M, bác khiếu nại của bà Q.

Không đồng ý với kết quả giải quyết của Chủ tịch UBND huyện M, bà Q tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh S. Ngày 15/7/2021, Chủ tịch UBND tỉnh S ban hành Thông báo số 66/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại (lần hai) và Quyết định số 1775/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại. Sau khi thẩm tra xác minh và tiến hành đối thoại không có kết quả. Ngày 21/01/2022, Chủ tịch UBND tỉnh S ban hành Quyết định số 163/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Q (lần hai), có nội dung: Công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 1678; yêu cầu bà Q chấp hành Công văn số 87 và Quyết định 1678; bác khiếu nại của bà Q.

Căn cứ các Điều 7, 18, 27, 28, 29, 30, 31 Luật khiếu nại 2011; Điều 105 Luật Đất đai năm 2013; Điều 32, Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ các Quyết định hành chính nêu trên được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục .

[4.2] Về nội dung các quyết định hành chính bị khởi kiện:

Văn bản số 87/UBND-NC ngày 03/02/2021, của Chủ tịch UBND huyện M đã xác định: Phần đất ông T và bà Q xây dựng lều, quán là đất công cộng, phục vụ mục đích bảo vệ an toàn công trình giao thông đường bộ, đường thủy do Nhà nước quản lý, sử dụng; phần đất này không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Phan Thanh X tại thửa 400. Việc bà Q yêu cầu bồi thường về đất, tài sản gắn liền với đất, cũng như hỗ trợ nền tái định cư là không có cơ sở.

Người khởi kiện thì cho rằng phần đất xây dựng lều, quán nêu trên nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện M cấp cho hộ ông Phan Thanh X tại thửa 400. Do đó, việc thu hồi đất này phải được bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ Sơ đồ đo đạc hiện trạng phần đất ông Phan Thanh X ngày 04/11/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M thể hiện thửa 400 nêu trên nằm tiếp giáp với con đường Quang Trung (nằm bên phần đất liền), còn phần lều, quán của bà Q thì nằm đối diện bên kia đường Quang Trung, cặp với kênh đê Mỹ Phước (BL 92). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện M cấp cho hộ ông Phan Thanh X tại thửa 400, cũng đã thể hiện sơ đồ vị trí đất không có bất cứ cạnh nào của thửa đất tiếp giáp với kênh. Do đó, có đủ căn cứ xác định phần đất xây dựng lều, quán của bà Q không nằm trong phần đất thuộc thửa 400 nêu trên. Mặt khác, tại Biên bản làm việc ngày 10/6/2021 của Thanh tra huyện M lập đã ghi nhận ý kiến của người đại diện hợp pháp của bà Q là ông Võ Minh T cho rằng phần đất lều, quán không nằm trong thửa 400. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T cũng thừa nhận phần đất vợ chồng ông xây dựng lều, quán không nằm trong thửa số 400. Tuy nhiên, phần đất này có nguồn gốc là của gia đình ông nên phải xem xét bồi thường cho gia đình ông khi giải phóng mặt bằng. Do phần đất bà Q xây dựng lều, quán không thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của gia đình bà nên bà không đủ điều kiện để xem xét bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại Điều 74, 75 , điểm c khoản 2 Điều 83 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 22 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/4/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

[5] Từ các phân tích trên, xét thấy UBND huyện M, Chủ tịch UBND huyện M, Chủ tịch UBND tỉnh S ban hành các quyết định trên là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và nội dung theo quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q về việc hủy các quyết định hành chính nêu trên là có căn cứ. Xét kháng cáo của bà Phan Kim Q yêu cầu hủy các quyết định hành chính nêu trên không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Bà Phan Kim Q phải chịu án phí hành chính phúc thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002480 ngày 29/9/2022 Cục Thi hành án dân sự tỉnh S.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Kim Q, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số: 17/2022/HC-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân

dân tỉnh S về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, cụ thể như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 và khoản 1 Điều 348 của Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Phan Kim Q về việc yêu cầu như sau:

- Hủy Văn bản số 87/UBND-NC ngày 03/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M về việc trả lời đơn khiếu nại của bà Phan Kim Q;

- Hủy quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M về việc giải quyết khiếu nại của bà Phan Kim Q (lần đầu);

- Hủy Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S về việc giải quyết khiếu nại của bà Phan Kim Q (lần hai).

2/ Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Phan Kim Q phải chịu án phí hành chính sơ thẩm 300.000 đồng. Khấu trừ số tiền bà Q đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số 0001149 ngày 13/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh S. Như vậy, bà Q đã nộp xong án phí hành chính sơ thẩm.

3/ Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Phan Kim Q phải chịu án phí hành chính phúc thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002480 ngày 29/9/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh S.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh S;
- VKSND tỉnh S;
- Cục THADS tỉnh S;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Thanh Thúy